

Số 105 /TTr-HĐQT

Bắc Ninh, ngày 01 tháng 04 năm 2022

### TỜ TRÌNH

Về việc thông qua Báo cáo tài chính năm 2021; Phương án phân phối lợi nhuận, tỷ lệ trả cổ tức 2021; Chi trả thù lao tiền lương HĐQT, BKS, BGĐ, thư ký công ty năm 2021, kế hoạch năm 2022.

Kính gửi: Quý Cổ đông Công ty CP Môi trường và công trình đô thị Bắc Ninh

Căn cứ Luật Chứng khoán ngày 26/11/2019;

Căn cứ Luật Doanh nghiệp ngày 17/6/2020;

Căn cứ Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán;

Căn cứ Thông tư số 116/2020/TT-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Bộ trưởng Bộ Tài chính;

Căn cứ Điều lệ Công ty CP Môi trường và công trình đô thị Bắc Ninh.

Hội đồng quản trị trình Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2022 thông qua các nội dung sau:

#### I. Báo cáo tài chính đã được kiểm toán năm 2021:

Báo cáo tài chính năm 2021 đã được Công ty TNHH Kiểm toán CPA Việt Nam tiến hành kiểm toán theo đúng chuẩn mực quy định, được Ban Kiểm soát thẩm định và Công ty công bố trên website: [http://moitruongdothibacninh.com.vn/Quan\\_hệ\\_cổ\\_đông/Báo\\_cáo\\_tài\\_chính](http://moitruongdothibacninh.com.vn/Quan_hệ_cổ_đông/Báo_cáo_tài_chính), gồm:

- Báo cáo của Kiểm toán viên;
- Bảng cân đối kế toán tại ngày 31/12/2021;
- Báo cáo kết quả kinh doanh năm 2021;
- Báo cáo lưu chuyển tiền tệ;
- Thuyết minh Báo cáo tài chính.

Với một số chỉ tiêu cơ bản dưới đây:

Stt	Các chỉ tiêu	Đơn vị	Giá trị
1	Tổng tài sản	Triệu đồng	182.135
2	Nợ phải trả	Triệu đồng	38.770
3	Vốn chủ sở hữu	Triệu đồng	143.365
4	Tổng doanh thu	Triệu đồng	183.291
5	Lợi nhuận trước thuế	Triệu đồng	5.882
6	Lợi nhuận sau thuế	Triệu đồng	4.550
7	Lãi cơ bản trên cổ phiếu	Đồng	463

#### II. Phương án phân phối lợi nhuận, chi trả cổ tức năm 2021:





TT	Chỉ tiêu	Số tiền (đồng)
<b>I</b>	<b>Lợi nhuận</b>	
1	Lợi nhuận trước thuế	5.882.474.881
2	Thuế TNDN phải nộp	1.198.073.031
3	Lợi nhuận sau thuế	4.550.001.850
<b>III</b>	<b>Phân phối lợi nhuận</b>	<b>4.550.001.850</b>
<b>I</b>	<b>Trích lập các quỹ</b>	
1.1	Quỹ đầu tư phát triển (15% x III)	682.500.278
1.2	Quỹ khen thưởng phúc lợi (13% x III)	571.585.576
1.3	Quỹ thưởng ban điều hành 0,03% x III) = 1 tháng lương bình quân	133.416.000
<b>2</b>	<b>Chia cổ tức cho cổ đông bằng tiền (5,5% VDL)</b>	<b>3.162.500.000</b>
	Cổ tức trên mỗi cổ phiếu đ/cổ phiếu	550

Thực hiện chi trả cổ tức năm 2021: Hình thức chi trả bằng tiền mặt; Ủy quyền cho HĐQT quyết định thời gian và tiến hành các thủ tục chi trả cổ tức năm 2021 cho cổ đông trong năm 2022, báo cáo kết quả thực hiện chi trả cổ tức tại phiên họp Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2023.

### III. Quyết toán thù lao, tiền lương HĐQT, BKS, Ban giám đốc, thư ký công ty năm 2021 và kế hoạch năm 2022.

#### 1. Quyết toán năm 2021:

##### 1.1. Thù lao thành viên HĐQT, BKS, Thư ký công ty:

STT	Chức danh	Số lượng thành viên	Số tháng làm việc	Mức thù lao (đ/tháng)	Thù lao năm 2021 (đ)
1	Thành viên HĐQT	04	12	4.200.000	201.600.000
2	Trưởng BKS không chuyên trách	01	1	4.400.000	4.400.000
3	Thành viên BKS	02	12	2.800.000	67.200.000
4	Thư ký công ty	01	12	2.800.000	33.600.000
	<b>Tổng cộng:</b>				<b>306.800.000</b>

##### 1.2. Tiền lương Chủ tịch HĐQT, Trưởng ban kiểm soát làm việc chuyên trách, và Ban giám đốc công ty:

TT	Chức danh	Số lượng thành viên	Số tháng làm việc	Mức lương (đ/tháng)	Mức lương năm (đ)
1	Chủ tịch HĐQT	01	12	30.000.000	360.000.000
2	Giám đốc công ty	01	12	24.000.000	288.000.000





TT	Chức danh	Số lượng thành viên	Số tháng làm việc	Mức lương (đ/tháng)	Mức lương năm (đ)
3	Trưởng BKS chuyên trách	01	11	22.000.000	242.000.000
4	Phó GD công ty	01	12	21.000.000	252.000.000
5	Phó GD công ty	01	11	21.000.000	231.000.000
6	Kế toán trưởng	01	12	19.000.000	228.000.000
	<b>Tổng cộng:</b>				<b>1.601.000.000</b>

2. Kế hoạch chi trả năm 2022:

2.1. Thù lao thành viên HĐQT, BKS, Thư ký công ty:

STT	Chức danh	Số lượng thành viên	Số tháng làm việc	Mức thù lao (đ/tháng)	Thù lao năm 2022(đ)
1	Thành viên HĐQT	04	12	3.800.000	182.400.000
2	Trưởng BKS không chuyên trách	01	4	3.300.000	13.200.000
3	Thành viên BKS	02	12	2.800.000	67.200.000
4	Thư ký công ty	01	12	2.800.000	33.600.000
	<b>Tổng cộng:</b>				<b>296.400.000</b>

2.2. Tiền lương Chủ tịch HĐQT, Trưởng ban kiểm soát làm việc chuyên trách, và Ban giám đốc công ty: ủy quyền cho HĐQT quyết định.

2.3. Tiền thưởng, lợi ích khác và ngân sách hoạt động của HĐQT, Ban kiểm soát: Ủy quyền cho HĐQT quyết định.

Hội đồng quản trị kính trình Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2022 xem xét và thông qua./.

**Nơi nhận**

- Như trên;
- HĐQT; BKS; BGĐ;
- Lưu: VT; HS.

**TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ**  
**CHỦ TỊCH**



Ngô Minh Châu